

Số: 62/2022/QĐST- HNGĐ

Hải Dương, ngày 05 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Minh Tân.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định mở phiên họp số 186/2022/QĐMPH-HNGĐ ngày 18/7/2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên họp số 89/TB-TA ngày 29/7/2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu:

1. Chị **Mạc Thị H**, sinh ngày 15/01/2000.

Địa chỉ: Khu dân cư Tr, phường A, thành phố C, tỉnh Hải D. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Anh **Trần Văn D**, sinh ngày 22/12/1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư L, phường Th, Thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Số 98, ngõ ..., đoạn 2 phố L, quận L, thành phố Đ, Đà Loan (Trung Quốc). Vắng mặt.

Người được ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Chị Mạc Thị H, sinh ngày 15/01/2000.

Địa chỉ: Khu dân cư Tr, phường A, thành phố C, tỉnh Hải D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình, bản tự khai của chị Mạc Thị H và anh Trần Văn D có xác nhận tại Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị H và anh Trần Văn D tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 01/8/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, H phúc được một thời gian. Do kinh tế khó khăn, cuối năm 2020 anh D sang Đài Loan lao động, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, nhưng sau đó hai bên không tìm thấy tiếng nói chung, thường hay cãi nhau nên mâu thuẫn gay gắt, căng thẳng. Nay chị H, anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị H, anh D xác định vợ chồng có một con chung là Trần Bình M, sinh ngày 15/02/2020. Hiện đang ở với chị H. Chị H, anh D thỏa thuận để chị H nuôi con, anh D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh D xác định không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự, chị H tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình (HNGĐ), Điều 149 của Bộ Luật tố tụng dân sự (BLTTDS), công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mạc Thị H và anh Trần Văn D. Về con chung: chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con Trần Bình M cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 5.000.000đ/tháng. Chị H tự nguyện chịu cả tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Mạc Thị H có hộ khẩu thường trú tại KDC Trại Nẻ, phường An Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương và anh Trần Văn D có hộ khẩu thường trú tại: KDC L, phường Th, thành phố C, tỉnh Hải D, hiện anh D đang sinh sống làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc). Do vậy TAND tỉnh Hải D thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b

khoản 1 Điều 37 của BLTTDS. Tài liệu anh D gửi về Việt Nam gồm đơn đề nghị công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, nên có đủ cơ sở khẳng định đây là ý chí tự nguyện của anh Trần Văn D. Anh D, chị H đều đề nghị được giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 BLTTDS, Tòa án quyết định mở phiên họp và giải quyết vắng mặt chị H, anh D là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị H và anh Trần Văn D tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 01/8/2018 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận, H phúc được một thời gian, đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D đi Đài Loan lao động, vợ chồng mỗi người sống một nơi, hai bên không tin tưởng nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, thường cãi nhau, không tìm thấy tiếng nói chung. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự, giải quyết cho chị H, anh D ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Mạc Thị H và anh Trần Văn D có 1 con chung là Trần Bình M, sinh ngày 15/02/2020. Hiện nay con đang ở với chị H. Chị H, anh D thỏa thuận để con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy việc thỏa thuận của các bên hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cháu M còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên việc giao con cho chị H nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật, do vậy có căn cứ chấp nhận. Về cấp dưỡng cho con: Chấp nhận sự tự nguyện anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về Lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Mạc Thị H chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự (HNGĐ) sơ thẩm theo quy định.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35 và 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Mạc Thị H** và anh **Trần Văn D**.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Mạc Thị H và anh Trần Văn D. Giao cho chị Mạc Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con chung là Trần Bình M, sinh ngày 15/02/2020. Anh D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng), cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Không ai được cản trở anh Trần Văn D trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về lệ phí: Chị Mạc Thị H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự (Hôn nhân và gia đình) sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000400 ngày 07/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải D.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Th, TP Ch (để ghi sổ hộ tịch).
- Lưu hs, Vp, Tòa GD và NCTN.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp

(Đã ký)

Nguyễn M Tân